

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09 tháng 8 năm 2021

Về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quan Văn Ngụ và ông Lương Quang Toán

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phùng Thị L**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn TK, xã KT, huyện NH, tỉnh TQ. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Bàn Văn L**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn TK, xã KT, huyện NH, tỉnh TQ. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Phùng Thị L trình bày:

Chị và anh Bàn Văn L qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện NH, tỉnh TQ vào ngày 06/4/2014, sau khi kết hôn chị và anh L ở cùng bố mẹ chị tại thôn TK, xã KT, huyện NH, tỉnh TQ. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi, chửi nhau. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và kinh tế, anh L không chịu khó tu chí làm ăn dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tuy đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Tuy vợ chồng sống cùng nhau nhưng không có quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh L đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L xác định chị và anh Bàn Văn L có 02 con chung là cháu: Phùng Thị Bích Ng, sinh ngày 20/11/2011 và cháu Phùng Gia B, sinh ngày 03/12/2013. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Phùng Thị Bích Ng và Phùng Gia B, không đề nghị anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị L xác định chị và anh L không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L không trình bày ý kiến gì khác.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn anh Bàn Văn L trình bày:

Về nội dung việc kết hôn như chị L đã trình bày là đúng thực tế, cụ thể:

Anh và chị L kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện NH, tỉnh TQ vào ngày 06/4/2014, sau khi kết hôn anh và chị L ở cùng bố mẹ chị Liễu tại thôn TK, xã KT, huyện NH, tỉnh TQ (bố mẹ chị L lấy anh về làm con rể theo phong tục người Dao). Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, thỉnh thoảng có xảy ra cãi, chửi nhau. Mặt khác do chị L thường đi làm xa nên hai vợ chồng ít có thời gian ở gần nhau, ít quan tâm chăm sóc đến nhau nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Tuy vợ chồng sống cùng nhau nhưng không có quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh L giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại biên bản ghi lời khai, anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị L chưa đến mức trầm trọng, chị L xin ly hôn anh không nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh L xác định anh và chị Phùng Thị L có 02 con chung là cháu: Phùng Thị Bích Ng, sinh ngày 20/11/2011 và cháu Phùng Gia B, sinh ngày 03/12/2013. Tại biên bản ghi lời khai anh L trình bày, nếu ly hôn anh nhất trí để chị Phùng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Phùng Thị Bích Ng và Phùng Gia B, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung; nợ chung: Anh L xác định anh và chị L không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa; Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị L xử cho chị L được ly hôn với anh Bàn Văn L.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung là cháu Phùng Thị Bích Ng, sinh ngày 20/11/2011 và cháu Phùng Gia B, sinh ngày 03/12/2013 cho chị Phùng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phùng Thị L và anh Bàn Văn L cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Phùng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Sổ hộ khẩu (Bản sao chứng thực); Giấy chứng minh nhân dân của đương sự (bản phô tô); Giấy khai sinh con chung (Bản sao); Bảng in sao kê tài khoản trả lương.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn; bị đơn; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại thôn TK, xã KT; xác minh tại Công an xã KT, huyện NH.

Tòa án đã thông báo cho anh Bàn Văn L và niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng anh Lú không đến tham gia Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được, các đương sự không thống nhất được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phùng Thị L và anh Bàn Văn L kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện NH, tỉnh TQ là hôn nhân hợp pháp; Chị L khởi

kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh L và đề nghị giải quyết việc giao nuôi con chung khi ly hôn nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn anh Bàn Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã KT, huyện NH, tỉnh TQ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Bàn Văn L có hộ khẩu thường trú tại Thôn TK, xã KT, huyện NH, tỉnh TQ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh L, thông báo cho anh L đến tham gia Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L không có mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Phùng Thị L và anh Bàn Văn L kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện NH là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Chị L xác định mâu thuẫn giữa chị và anh L đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn với anh L; anh L cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị L chưa đến mức trầm trọng, tuy hiện nay vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế nhưng anh không nhất trí ly hôn, mong muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ.

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh tại thôn TK, xã KT, huyện NH, tỉnh TQ có cơ sở xác định giữa chị L và anh L có xảy ra mâu thuẫn, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm đầu năm 2021 cho đến nay là đúng thực tế; mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã xảy ra từ lâu, đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không được cải thiện. Cả hai cùng xác định từ lâu hai vợ chồng không có quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, anh L không nhất trí ly hôn nhưng cũng không có cách thức, biện pháp gì để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng. Đến nay cuộc sống chung của hai vợ chồng trên thực tế đã không tồn tại, cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L đến thời điểm hiện nay đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L. Căn cứ các Điều 51,

56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phùng Thị L được ly hôn với anh Bàn Văn L.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh L sinh được 02 con chung là cháu Phùng Thị Bích Ng, sinh ngày 20/11/2011 và cháu Phùng Gia B, sinh ngày 03/12/2013, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy, theo kết quả xác minh tại thôn TK, xã KT, thể hiện: Chị L và anh L chưa có nhà ở riêng, hiện nay đang ở chung với bố mẹ chị L. Anh Bàn Văn L hiện nay không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, sau khi ly hôn không có chỗ ở ổn định vì vậy không đảm bảo các điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị Phùng Thị L hiện nay đang làm công nhân có mức thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, sau khi ly hôn chị vẫn tiếp tục ở cùng bố mẹ đẻ. Thực tế hiện nay cháu Ng và cháu B đang ở cùng chị tại nhà bố mẹ chị, trong thời gian chị đi làm bố mẹ chị vẫn giúp đỡ chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón các cháu đi học, các cháu vẫn được tạo điều kiện phát triển đầy đủ về mọi mặt, chị L vẫn đảm bảo về điều kiện chỗ ở cũng như kinh tế để nuôi con chung; mặt khác ý kiến của cháu Ng và cháu B cũng có nguyện vọng được ở cùng chị L.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của cháu Phùng Thị Bích Ng và Phùng Gia B cần giao cả 02 con chung cho chị Phùng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế cũng như phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Do chị L không đề nghị anh L cấp dưỡng nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết chị Phùng Thị L và anh Bàn Văn L cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị Phùng Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phùng Thị L được ly hôn với anh Bàn Văn L. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phùng Thị Bích Ng, sinh ngày 20/11/2011 và cháu Phùng Gia B, sinh ngày 03/12/2013 cho chị Phùng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Bàn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002257, ngày 06/5/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bàn Văn L không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã KT (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quan Văn Ngụ Lương Quang Toán

Vũ Mạnh Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Quang Toán

Đỗ Mai Sơn

Triệu Ngọc Thúc

